Ngày dạy:…../…../……
Tiết: 69-70

ÔN TẬP CUỐI KÌ I

I. Mục tiêu

1. Năng lực:

1.1. Năng lực chung:

- Năng lực tự chủ và tự học: Chủ động, gương mẫu, phối hợp các thành viên trong nhóm hoàn thành các nội dung ôn tập.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác; Xác định nội dung hợp tác nhóm, tích cực thực hiện các nhiệm vụ của bản thân trong chủ đề ôn tập; Đánh giá kết quả đạt được của nhóm trong bài ôn tập.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Đề xuất, phân tích, thiết kế sơ đồ tư duy về các chủ đề : Tốc độ; Âm thanh; Ánh sáng. Vận dụng linh hoạt các kiến thức, kỹ năng đánh giá.

1.2. Năng lực đặc thù:

- *Năng lực nhận biết KHTN: Hệ thống hóa kiến thức về tốc độ của chuyển động, đồ thị quãng đường và thời gian;* Xác định các vấn đề về âm thanh như nguồn âm, môi trường truyền âm, vật phản xạ âm tốt và kém, phản xạ âm và tiếng vang. Nhận biết được tia sáng, chùm sáng, bóng tối, bóng nửa tối. Phát biểu được định luật phản xạ ảnh sáng, đặc điểm của ảnh của một vật tạo bởi gương phẳng.

- *Năng lực tìm hiểu tự nhiên:* Vận dụng được các kiến thức ôn tập và ứng dụng vào thực tế.

2. Phẩm chất:

- Có ý thức tìm hiểu về chủ đề học tập, say mê và có niềm tin vào khoa học;

- Quan tâm đến bài tổng kết của cả nhóm, có ý chí vượt qua khó khăn khi thực hiện các nhiệm vụ học tập vận dụng, mở rộng;

- Ham học hỏi,thấy được ý nghĩa của tốc độ trong an toàn giao thông

- Có ý thức sẵn sàng tham gia các hoạt động tuyên truyền về an toàn khi tham gia giao thông

II. Thiết bị dạy học và học liệu

1. Giáo viên: Máy chiếu , Laptop

2. Học sinh: Giấy A4, bút màu

III. Tiến trình dạy học

1. Hoạt động 1: Mở đầu

a) Mục tiêu: Ôn tập, hệ thống kiến thức cơ bản đã học theo chủ đề dưới dạng sơ đồ tư duy.

b) Nội dung:

- Hệ thống kiến thức chủ đề 1 dưới dạng sơ đồ tư duy.

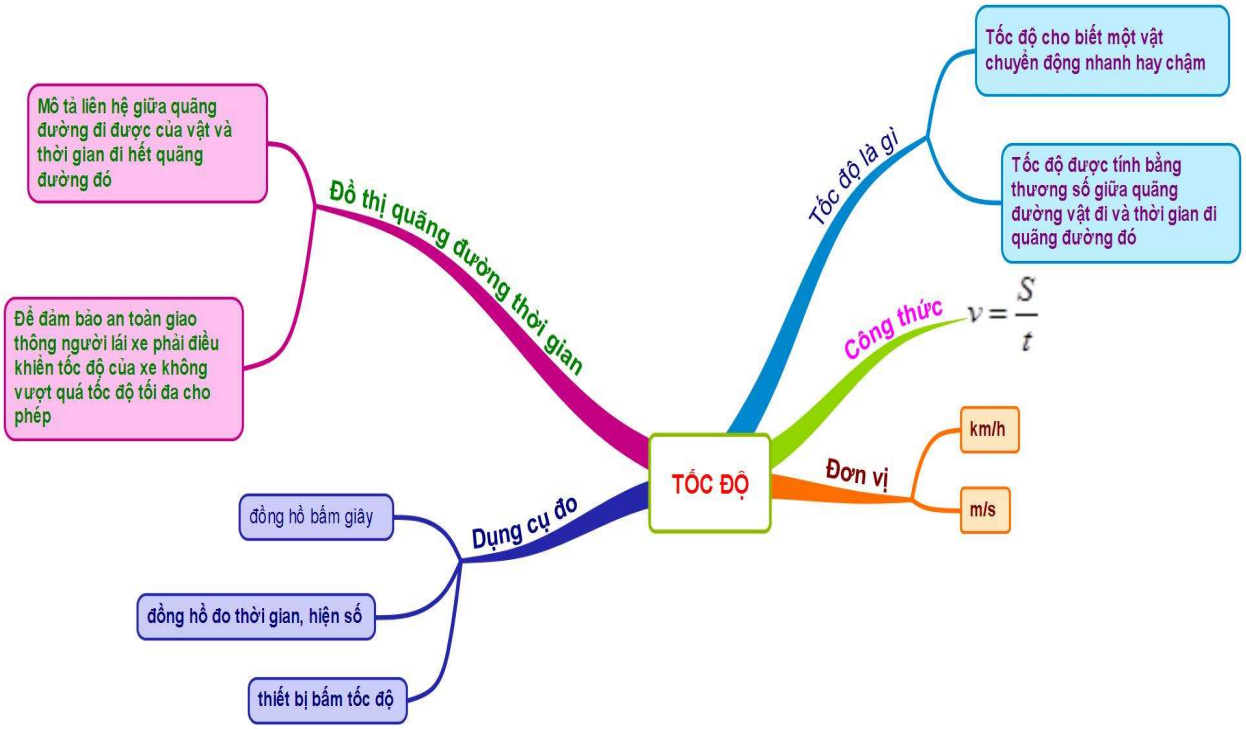
TỐC ĐỘ
Tốc độ là gì
Tốc độ cho biết một vật chuyển động nhanh hay chậm
Tốc độ được tính bằng thương số giữa quãng đường vật đi và thời gian đi quãng đường đó
Công thức
$v = \frac{S}{t}$
Đơn vị
km/h
m/s
Đồ thị quãng đường thời gian
Mô tả liên hệ giữa quãng đường đi được của vật và thời gian đi hết quãng đường đó
Để đảm bảo an toàn giao thông người lái xe phải điều khiển tốc độ của xe không vượt quá tốc độ tối đa cho phép
Dụng cụ đo
đồng hồ bấm giây
đồng hồ đo thời gian, hiện số
thiết bị bấm tốc độ

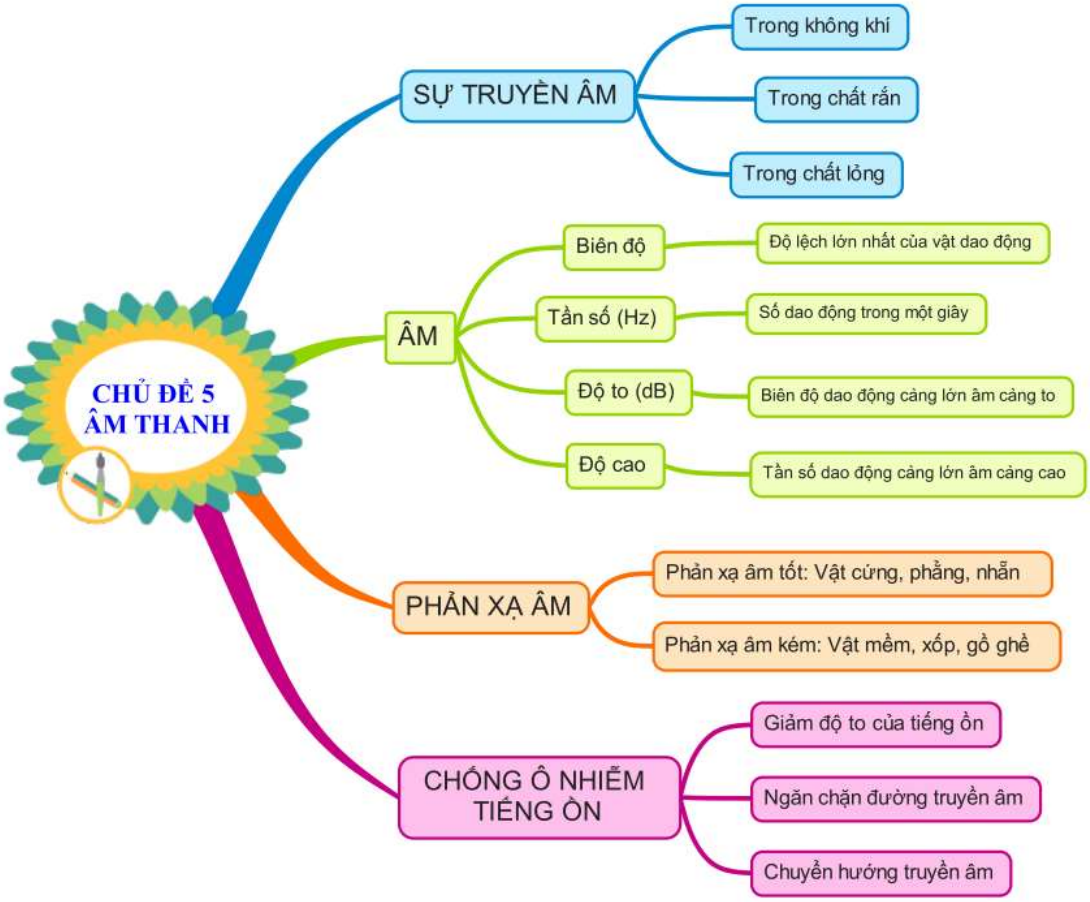
CHỦ ĐỀ 5
ÂM THANH
SỰ TRUYỀN ÂM
Trong không khí
Trong chất rắn
Trong chất lỏng
ÂM
Biên độ
Độ lệch lớn nhất của vật dao động
Tần số (Hz)
Số dao động trong một giây
Độ to (dB)
Biên độ dao động càng lớn âm càng to
Độ cao
Tần số dao động càng lớn âm càng cao
PHẢN XẠ ÂM
Phản xạ âm tốt: Vật cứng, phẳng, nhẵn
Phản xạ âm kém: Vật mềm, xốp, gồ ghề
CHỐNG Ô NHIỄM TIẾNG ỒN
Giảm độ to của tiếng ồn
Ngăn chặn đường truyền âm
Chuyển hướng truyền âm

c) Sản phẩm:

- Sơ đồ tư duy hệ thống kiến thức cơ bản chủ đề 4-5-6
- Trả lời được các câu hỏi của GV.

d) Tổ chức thực hiện:

Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

- GV yêu cầu các nhóm học sinh treo sơ đồ tư duy

Thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS treo sơ đồ tư duy

Báo cáo kết quả và thảo luận

GV cho HS các nhóm nhận xét bài của nhóm bạn và yêu cầu HS trả lời 1 số câu hỏi.

Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh nhận xét, bổ sung
- GV nhận xét kết quả làm việc của các nhóm: nội dung, hình thức, sáng tạo….
- GV đánh giá và cho điểm.

2. Hoạt động 2: Luyện tập

2.1. Hoạt động 2.1: Luyện tập PHT thông qua trò chơi BINGO

a) Mục tiêu:

- Vận dụng kiến thức của chủ đề 5 Âm thanh để hoàn thành PHT.

b) Nội dung: Luyện tập qua trò chơi BINGO

- HS vận dụng kiến thức của chủ đề để hoàn thành phiếu học tập đồng thời tham gia trò chơi Bingo.

c) Sản phẩm: PHT, thẻ Bingo đã ghi số câu và đáp án, kết quả của trò chơi.

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung
Chuyển giao nhiệm vụ học tập - Giáo viên phát PHT cá nhân và thẻ Bingo cho mỗi HS. - Giao nhiệm vụ học tập, phân nhóm, giới thiệu luật chơi: + Mỗi HS sẽ nhận một tấm thẻ (bảng Bingo) với 9 ô vuông và một phiếu học tập có 9 câu hỏi. + Mỗi học sinh có thời gian 10 phút hoàn thành PHT và đánh số và ghi đáp án vào ô vuông của tấm thẻ Bingo bằng bút mực, không gạch xóa với bất kì lí do nào. + Sau thời gian mà chưa ghi được đáp án vào ô tương ứng thì phải gạch chéo ô đó. + Cứ 3 ô có câu trả lời đúng (tính theo hàng dọc, hàng ngang hoặc chéo được 1 BINGO	II. Luyện tập 1. Trò chơi BINGO

+ Sau hoạt động, nhóm nào có số BINGO nhiều nhất sẽ chiến thắng. ***Thực hiện nhiệm vụ học tập*** - HS nhận PHT, thẻ BINGO, lắng nghe luật chơi. - Hoàn thành PHT; đánh số và ghi kết quả trên thẻ Bingo. *** Báo cáo kết quả:** - 2 HS ngồi cạnh nhau sẽ đổi Thẻ Bingo cho nhau. - Lần lượt HS trả lời và giải thích đáp án các câu hỏi trong PHT. - HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời. - HS đánh dấu "tick" hoặc tô màu toàn bộ ô đó nếu trả lời đúng. - Các nhóm tổng kết số Bingo. *** Đánh giá kết quả:** - GV nhận xét, đánh giá trả lời của HS, giải thích các câu trả lời chưa chính xác hoặc các kiến thức cần nhấn mạnh, chốt đáp án. - Tổng kết số Bingo của các nhóm, nhận xét trao thưởng.	

2.2. Hoạt động 2.2: Luyện tập kiến thức qua bài tập Điền từ/ cụm từ thích hợp vào chỗ trống.

a) Mục tiêu:

- Vận dụng kiến thức của các chủ đề để hoàn thành bài tập.

b) Nội dung:

- HS vận dụng kiến thức của các chủ đề để hoàn thành học tập

c) Sản phẩm: Đáp án câu hỏi

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung
Chuyển giao nhiệm vụ học tập GV lần lượt đưa ra một số bài tập, yêu cầu hs đọc bài 1, 2, thực hiện nhiệm vụ học tập. (chiếu slide) ***Thực hiện nhiệm vụ học tập*** GV: yêu câu học sinh lần lượt đọc bài 1, 2 và đưa ra đáp án mình lựa chọn. HS: lần lượt đọc các câu hỏi **Bài 1.** Điền từ/ cụm từ thích hợp vào chỗ trống. a. (1) … được truyền trong các môi trường rắn, lỏng, khí. b. Độ to của âm có liên hệ với (2) … c. Độ cao của âm có liên hệ với (3) … d. Ngưỡng đau làm đau nhức tai là (4) ... e. Nguồn âm dao động càng nhanh thì sóng âm nghe được có (5) … càng lớn. **Bài 2.** Điền từ/ cụm từ thích hợp vào chỗ trống. a. Mọi vật đều (1) … truyền đến nó. b. Sóng âm lan truyền trong (2) … nhanh hơn trong (3) … và trong (4) … c. Độ lệch lớn nhất của vật so với vị trí cân bằng được gọi là (5) …	2. Bài tập Bài 1: (1): Âm thanh (2): biên độ dao động (3): tần số dao động (4): 140dB (5): tần số dao động Bài 2: (1): phản xạ âm (2): chất rắn (3): chất lỏng (4): chất khí (5): biên độ dao động

<table>
<tr>
<td>
d. Hiện tượng tiếng ồn quá to và kéo dài, gây ảnh hưởng xấu đến sức khoẻ và hoạt động của con người được gọi là (6) …
Bài 3: Đánh dấu (×) vào cột đúng hoặc sai về phương diện an toàn giao thông cho mỗi hoạt động sau.
<table>
<tr><th>STT</th><th>Hoạt động</th><th>Đúng</th><th>Sai</th></tr>
<tr><td>1</td><td>Tuân thủ giới hạn về tốc độ</td><td></td><td></td></tr>
<tr><td>2</td><td>Cài dây an toàn khi ngồi trong ô tô</td><td></td><td></td></tr>
<tr><td>3</td><td>Giữ đúng quy định về khoảng cách an toàn.</td><td></td><td></td></tr>
<tr><td>4</td><td>Giảm khoảng cách an toàn khi thời tiết đẹp</td><td></td><td></td></tr>
<tr><td>5</td><td>Giảm tốc độ khi trời mưa hoặc thời tiết xấu.</td><td></td><td></td></tr>
<tr><td>6</td><td>Vượt đèn đỏ khi không có cảnh sát giao thông</td><td></td><td></td></tr>
<tr><td>7</td><td>Nhường đường cho xe ưu tiên</td><td></td><td></td></tr>
<tr><td>8</td><td>Nhấn còi liên tục</td><td></td><td></td></tr>
</table>
*Báo cáo kết quả và thảo luận
GV: gọi học sinh khác nhận xét.
GV: chiếu đáp án và phân tích cho học sinh hiểu rõ.
*Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ
- Học sinh nhận xét, bổ sung
- GV đánh giá nhận xét câu trả lời của học sinh và chốt đáp án.
- GV đánh giá và cho điểm (nếu cần)
</td>
<td>
(6): ô nhiễm tiếng ồn

Bài 3: 1-Đ ; 2-Đ ; 3- Đ ; 4- S ; 5 –Đ; 6- S; 7- Đ; 8- S
</td>
</tr>
</table>

3. Hoạt động 3: Vận dụng

a) Mục tiêu: HS vận dụng các kiến thức vừa học giải thích, tìm hiểu các hiện tượng trong thực tế cuộc sống, tự tìm hiểu ở ngoài lớp. Yêu thích môn học hơn.

b) Nội dung: Hệ thống BT vận dụng của GV

c) Sản phẩm: HS hoàn thiện BT vận dụng

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung
**** Chuyển giao nhiệm vụ học tập*** GV: Yêu cầu HS vận dụng được kiến thức để giải thích câu hỏi Bài 3: Giải thích âm từ một dây đàn ghi-ta được gảy truyền đến tai ta như thế nào?	*Bài 3:* Khi dây đàn dao động làm cho lớp không khí tiếp xúc với nó dao động theo. Lớp không khí dao động này lại làm cho lớp không khí kế tiếp nó dao đông. Cứ thế, các dao động của nguồn âm được không khí truyền tới tai ta, làm cho màng nhĩ dao động khiến ta cảm nhận được âm phát ra từ nguồn âm.
Bài 4: Ở loài voi, khi con đầu đàn tìm thấy thức ăn hoặc phát hiện thấy nguy hiểm, chúng thường dậm	*Bài 4:* Vì khi voi đầu đàn dậm chân xuống đất, âm sẽ được đất truyền đi

chân xuống đất để thông báo cho nhau. Em hãy giải thích hiện tượng này? Bài 5: Hãy tìm hiểu xem khi vặn cho dây đàn căng hơn thì âm phát ra sẽ cao hơn hay thấp hơn, tần số lớn hơn hay nhỏ hơn? Bài 6: Khu dân cư nơi gia đình em ở, thường tổ chức các hoạt động tập thể vào buổi tối với tiếng ồn khá lớn, việc này ảnh hưởng xấu đến việc học tập của em. Em hãy đề xuất với bố mẹ một số biện pháp đơn giản nhằm giảm ảnh hưởng của những tiếng ồn đó đối với hoạt động học tập của em. GV chốt lại kiến thức sau khi các thành viên lớp đã nhận xét. ***Thực hiện nhiệm vụ học tập*** Hoạt động cá nhân, hoàn thiện câu trả lời. ***Báo cáo kết quả và thảo luận*** Cá nhân HS trả lời câu hỏi. ***Kết luận, nhận định*** - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá. - Giáo viên nhận xét, đánh giá chung.	tốt hơn không khí và các con voi trong đàn sẽ nhận biết được tín hiệu này. *Bài 5:* Khi vặn cho dây đàn căng hơn thì âm phát ra sẽ cao hơn và tần số lớn hơn. *Bài 6:* * Một số biện pháp chống ô nhiễm tiếng ồn: - Treo rèm cửa bằng vải nhung dày. - Đóng hết cửa trong nhà khi có tiếng ồn. - Trồng một số cây xanh quanh nhà, vừa đẹp, mát, lại giúp phân tán tiếng ồn. - Đề nghị bố mẹ giảm âm lượng loa đài khi tổ chức

.

PHIẾU HỌC TẬP - TRÒ CHƠI BINGO

Câu 1: Từ đồ thị quãng đường − thời gian, ta **không** thể xác định được thông tin nào sau đây?

A. Thời gian chuyển động. B. Quãng đường đi được.

C. Tốc độ chuyển động. **D. Hướng chuyển động**

Đáp án: D

Câu 2. Hình dưới đây biểu diễn đồ thị quãng đường − thời gian của một vật chuyển động trong khoảng thời gian 8 s. Tốc độ của vật là

A. 20 m/s. B. 8 m/s. C. 0,4 m/s. **D. 2,5 m/s.**

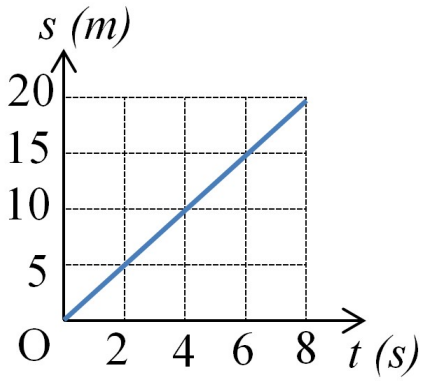

Câu 3. Sóng âm **không** truyền được trong môi trường nào?

A. Chất rắn.

B. Chất rắn và chất lỏng.

C. Chân không.

D. Chất rắn, chất lỏng và chất khí.

Đáp án: C

Câu 4. Những vật phản xạ âm tốt là:

A. gạch, gỗ, vải.

B. thép, vải, xốp

C. vải nhung, gốm, lụa.

D. Kính, thép, đá.

Đáp án: D

Câu 5. Trong các trường hợp dưới đây, khi nào vật phát ra âm to hơn?

A. Khi tần số dao động lớn hơn.

B. Khi vật dao động mạnh hơn.

C. Khi vật dao động nhanh hơn.

D. Khi vật dao động yếu hơn.

Đáp án: B

Câu 6: Khi nào ta nói âm phát ra âm bổng?

A. Khi âm phát ra có tần số thấp.

B. Khi âm phát ra có tần số lớn.

C. Khi âm nghe nhỏ.

D. Khi âm nghe to.

Đáp án: B

Câu 7: Đứng trên Trái đất, trường hợp nào dưới đây ta thấy có nguyệt thực?

A. Ban đêm, khi ta đứng không nhận được ánh sáng từ Mặt trời.

B. **Ban đêm, khi Mặt trăng không nhận được ánh sáng Mặt trời vì bị Trái đất che khuất.**

C. Khi Mặt trời che khuất Mặt trăng, không cho ánh sáng từ Mặt trăng tới Trái đất.

D. Ban ngày khi Trái ddất che khuất Mặt trăng.

Câu 8: Chọn phát biểu đúng trong các câu nói dưới đây nói về ảnh của một vật tạo bởi gương phẳng?

A. Ảnh ảo bé hơn vật và ở gần gương hơn vật.

B. Ảnh ảo bằng vật và cách gương một khoảng bằng khoảng cách từ vật đến gương.

C. Ảnh hứng được trên màn và lớn bằng vật.

D. Ảnh không hứng được trên màn và bé bằng vật.

Câu 9: Tia sáng tới gương phẳng hợp với tia phản xạ một góc 60^0. Hỏi góc tới có giá trị là bao nhiêu?

A. 90^0 B. 75^0 C. 60^0 **D. 30^0**

BÀI TẬP ĐIỀN TỪ

Bài 1. Điền từ/ cụm từ thích hợp vào chỗ trống.

a. (1) … được truyền trong các môi trường rắn, lỏng, khí.

b. Độ to của âm có liên hệ với (2) …

c. Độ cao của âm có liên hệ với (3) …

d. Ngưỡng đau làm đau nhức tai là (4) ...

e. Nguồn âm dao động càng nhanh thì sóng âm nghe được có (5) … càng lớn.

Bài 2. Điền từ/ cụm từ thích hợp vào chỗ trống.

a. Mọi vật đều (1) … truyền đến nó.

b. Sóng âm lan truyền trong (2) … nhanh hơn trong (3) … và trong (4) …

c. Độ lệch lớn nhất của vật so với vị trí cân bằng được gọi là (5) …

d. Hiện tượng tiếng ồn quá to và kéo dài, gây ảnh hưởng xấu đến sức khoẻ và hoạt động của con người được gọi là (6) …

e. Chùm sáng……. gồm các tia sáng…….. trên đường truyền của chúng.

V. Phụ Lục

PHIẾU HỌC TẬP

. **Câu 1:** Từ đồ thị quãng đường − thời gian, ta **không** thể xác định được thông tin nào sau đây?

A. Thời gian chuyển động. B. Quãng đường đi được.

C. Tốc độ chuyển động. D. Hướng chuyển động

Câu 2. Gọi *s* là quãng đường đi được, *t* là thời gian đi hết quãng đường đó, *v* là tốc độ chuyển động. Công thức nào sau đây dùng để tính tốc độ chuyển động?

A. v = s * t B. $v = \frac{s}{t}$ C. $s = \frac{v}{t}$ D. $t = \frac{v}{s}$

Câu 3. Trong phòng thí nghiệm, người ta thường sử dụng những dụng cụ đo nào để đo tốc độ của các vật chuyển động nhanh và có kích thước nhỏ?

A. Thước, cổng quang điện và đồng hồ bấm giây.

B. Thước, đồng hồ đo thời gian hiện số kết nối với cổng quang điện.

C. Thước và đồng hồ đo thời gian hiện số.

D. Cổng quang điện và đồng hồ bấm giây.

Câu 4: Đánh dấu (×) vào cột **đúng** hoặc **sai** về phương diện an toàn giao thông cho mỗi hoạt động sau.

STT	**Hoạt động**	**Đúng sai**	
1	Tuân thủ giới hạn về tốc độ		
2	Cài dây an toàn khi ngồi trong ô tô		
3	Giữ đúng quy định về khoảng cách an toàn.		
4	Giảm khoảng cách an toàn khi thời tiết đẹp		
5	Giảm tốc độ khi trời mưa hoặc thời tiết xấu.		
6	Vượt đèn đỏ khi không có cảnh sát giao thông		
7	Nhường đường cho xe ưu tiên		
8	Nhấn còi liên tục		

Câu hỏi trắc nghiệm

Câu 1: Đường sắt Hà Nội - Đà Nẵng dài khoảng 880 km. Nếu tốc độ trung bình của một tàu hoả là 55 km/h thì thời gian tàu chạy từ Hà Nội đến Đà Nẵng là

A.8h. B. 16 h. c. 24 h. D. 32 h.

Câu 2. Hình dưới đây biểu diễn đồ thị quãng đường − thời gian của một vật chuyển động trong khoảng thời gian 8 s. Tốc độ của vật là

A. 20 m/s.

B. 8 m/s. 20

C. 0,4 m/s.

D. 2,5 m/s.

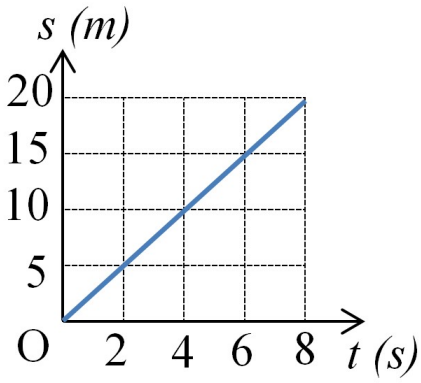

Câu 3. Phát biểu nào sau đây **không** đúng khi nói về khoảng cách an toàn giữa các xe đang lưu thông trên đường?

A. Khoảng cách an toàn là khoảng cách đủ để phản ứng, không đâm vào xe trước khi gặp tình huống bất ngờ.

B. Khoảng cách an toàn tối thiểu được quy định bởi Luật Giao thông đường bộ.

C. Tốc độ chuyển động càng cao thì khoảng cách an toàn phải giữ càng lớn.

D. Khi trời mưa hoặc thời tiết xấu, lái xe nên giảm khoảng cách an toàn.

Câu 4. Để đo tốc độ của một người chạy cự li ngắn, ta cần những dụng cụ đo nào?

A. Thước cuộn và đồng hồ bấm giây.

B. Thước thẳng và đồng hồ treo tường.

C. Đồng hồ đo thời gian hiện số kết nối với cổng quang điện.

D. Cổng quang điện và thước cuộn.